

Số: **364/2022/QĐST-HNGĐ**

*Nam Từ Liêm, ngày 30 tháng 8 năm 2022*

**QUYẾT ĐỊNH  
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN  
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN NAM TỪ LIÊM, THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

Căn cứ vào Khoản 4 Điều 397; Khoản 1, Khoản 2 Điều 212; Điều 213 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ vào Khoản 1, Khoản 3 Điều 37 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc Hôn nhân & Gia đình thụ lý số: 235/2022/TLST-HNGĐ, ngày 10 tháng 6 năm 2022, về việc: Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

*Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

**1. Anh Nguyễn Tiến M, năm 1984**

Địa chỉ: Bản C, xã L, huyện V, tỉnh S.

**2. Chị Phạm Kim N, sinh năm 1990**

Địa chỉ: Tổ dân phố số 7 P, phường M, quận N, thành phố H.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Tiến M và chị Phạm Kim N kết hôn vào ngày 19 tháng 3 năm 2008 trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện T, thành phố H (Nay là phường M, quận N, thành phố H). Sau khi kết hôn một thời gian, anh M và chị N phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung dẫn đến cuộc sống chung không còn hạnh phúc. Xác định tình cảm vợ chồng không còn, anh M, chị N cùng thỏa thuận ly hôn để anh chị ổn định cuộc sống. Anh M, chị N đề nghị Tòa án giải quyết cho anh chị được thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Anh M và chị N có một con chung là: Cháu Nguyễn Nhật S, sinh ngày 07/12/2007. Anh M và chị N thỏa thuận sau khi ly hôn anh M là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu S. Về cấp dưỡng nuôi con: Anh M và chị N tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Anh M và chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về lệ phí Tòa án: Chị Phạm Kim N tự nguyện chịu cả 300.000 (Bằng chữ: Ba trăm nghìn) đồng lệ phí sơ thẩm giải quyết yêu cầu về Hôn nhân và Gia đình.

*Xét thấy:* Việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 22 tháng 8 năm 2022, là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:**

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Tiến M và chị Phạm Kim N.

- Về con chung: Anh Nguyễn Tiến M và chị Phạm Kim N có 01 con chung là cháu Nguyễn Nhật S, sinh ngày 07/12/2007. Giao cháu Nguyễn Nhật S cho anh Nguyễn Tiến M trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng sau khi ly hôn. Về cấp dưỡng nuôi con: Anh M và chị N tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị Phạm Kim N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được ngăn cản.

- Về tài sản chung và nợ chung: Anh Nguyễn Tiến M và chị Phạm Kim N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**2. Về lệ phí Tòa án:** Chị Phạm Kim N tự nguyện nộp cả 300.000 (Bằng chữ: Ba trăm nghìn) đồng lệ phí sơ thẩm giải quyết yêu cầu về Hôn nhân và Gia đình. Ghi nhận chị N đã nộp 300.000 (Bằng chữ: Ba trăm nghìn) đồng tạm ứng lệ phí yêu cầu giải quyết việc Hôn nhân và Gia đình (Biên lai số AA/2020/0034404 ngày 10/6/2022)

tại Chi cục Thi hành án dân sự quận N. Chị Phạm Kim N đã nộp đủ lệ phí.

**3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.**

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND Q.Nam Từ Liêm;
- Chi cục THADS Q.Nam Từ Liêm;
- UBND phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội (Giấy chứng nhận kết hôn số 39, quyển số 01/2008 ngày 19/03/2008)
- Phòng tư pháp UBND quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội.
- Lưu HS, VP.

**THẨM PHÁN**

**Nguyễn Trung Lập**